

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Học sinh dự bị đại học

Học sinh dự bị đại học (DBĐH) của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) gồm học sinh dự bị đại học và học sinh dự bị cử tuyển phải qua quy trình tuyển chọn đúng theo “Quy chế tuyển chọn, tổ chức đào tạo học sinh hệ dự bị đại học và xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học” ban hành kèm theo quyết định số 09/2005/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi học sinh khi vào trường sẽ được cấp một mã số để sử dụng trong thời gian học dự bị đại học.

Học sinh DBĐH phải chấp hành các nội quy, quy định của Trường, của Khoa, của lớp. Khi vào trường học sinh phải mang bằng tên, phải ăn mặc sạch sẽ, gọn gàng, kín đáo; nam không để tóc dài; phải mặc đồng phục khi tham dự những học phần đồng phục. Học sinh phải có ý thức giữ gìn vệ sinh trật tự trong và ngoài trường, không xả rác bừa bãi, không chạy xe quá tốc độ, phải đỗ xe đúng nơi quy định. Học sinh trường Đại học Cần Thơ có nếp sống trong sáng, lành mạnh; không làm ồn, gây mất trật tự, không tụ tập uống rượu bia trong khuôn viên trường.

Điều 2. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của mỗi khối lớp được thực hiện theo “Đề cương chi tiết các môn học hệ dự bị đại học” ban hành kèm theo quyết định số 24/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trợ cấp xã hội

Trợ cấp xã hội: Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là học sinh dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế - xã đặc biệt khó khăn; học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa; học sinh tàn tật trên 41%; học sinh thuộc hộ nghèo, hộ đói.

Riêng đối với học sinh DBĐH hệ Cử tuyển, học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Thông tư liên tịch số 13/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC-BNV-UBDT ngày 7 tháng 4 năm 2008.

Điều 4. Học phí và miễn, giảm học phí

Học phí đóng theo học kỳ (HK). Mức học phí ở từng thời điểm do Hiệu trưởng quyết định.

1. Đối với học sinh dự bị cử tuyển, học phí được địa phương chi trả cho Trường theo quy định hiện hành.

2. Diện miễn học phí

- Học sinh là con của người hoạt động cách mạng trước 19/8/1945; Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng lao động trong kháng chiến; Con của liệt sĩ; Con của thương binh, con của bệnh binh; Con bị dị dạng, dị tật của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

- Học sinh là người dân tộc thiểu số;
- Học sinh có cha mẹ thường trú tại vùng cao, miền núi, vùng sâu, hải đảo (Danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành);
- Học sinh diện tàn tật và có khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 21% trở lên (phải có giấy chứng nhận của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh, thành cấp);
- Học sinh diện mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;
- Học sinh mà gia đình (gia đình, cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng) thuộc diện hộ đói theo quy định hiện hành của Nhà nước (phải có “Sổ chứng nhận” do Sở Lao động TB-XH cấp);

3. Diện giảm 50% học phí

- Học sinh có gia đình (gia đình, cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng) thuộc diện hộ nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước (phải có “Sổ chứng nhận” do Sở Lao động TB-XH cấp);
- Học sinh là con cán bộ công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Sau thời hạn đóng học phí, học sinh không đóng học phí sẽ bị hủy kết quả học tập.

Điều 5. Tín dụng học sinh

Học sinh có thể xin vay tín dụng từ các ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương nơi gia đình học sinh cư trú. Phòng Công tác Sinh viên sẽ cấp giấy xác nhận để học sinh bổ sung hồ sơ xin vay vốn.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian đào tạo

Thời gian học là 08 tháng (không kể 01 tháng nghỉ Lễ, Tết), tương đương với 32 tuần, gồm:

- Học chính trị, sinh hoạt, lao động đầu khóa: 01 tuần
- Thực học các môn học theo từng khối: 28 tuần
- Ôn tập chuẩn bị thi cuối học kỳ I: 01 tuần
- Ôn tập chuẩn bị thi cuối học kỳ II: 02 tuần

Điều 7. Các môn học

Trong năm học (gồm HK I và HK II), học sinh phải học 05 môn học chính khóa và 03 môn học ngoại khóa.

1. Các môn học chính khóa của các khối:

- Khối A: Toán học, Vật lý, Hóa học, Tiếng Việt, Tin học.
- Khối B: Toán học, Hóa học, Sinh học, Tiếng Việt, Tin học.
- Khối C: Văn học, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Việt, Tin học.

2. Các môn học ngoại khóa của cả 03 khối: Anh văn, Giáo dục Công dân, Giáo dục thể chất.

Điều 8. Phân phối thời gian

STT	Môn học	Khối A	Khối B	Khối C
1	Toán học	8 tiết/ tuần	8 tiết/ tuần	Không học
2	Vật lý	5 tiết/ tuần	Không học	Không học
3	Hóa học	5 tiết/ tuần	5 tiết/ tuần	Không học
4	Sinh học	Không học	5 tiết/ tuần	Không học
5	Văn học	Không học	Không học	6 tiết/ tuần
6	Tiếng Việt	3 tiết/ tuần	3 tiết/ tuần	3 tiết/ tuần
7	Lịch sử	Không học	Không học	6 tiết/ tuần
8	Địa lý	Không học	Không học	6 tiết/ tuần
9	Tin học	3 tiết/ tuần	3 tiết/ tuần	3 tiết/ tuần
10	Anh văn	2 tiết/ tuần	2 tiết/ tuần	2 tiết/ tuần
11	Giáo dục công dân	1 tiết/ tuần	1 tiết/ tuần	1 tiết/ tuần
12	Giáo dục thể chất	2 tiết/ tuần	2 tiết/ tuần	2 tiết/ tuần
13	Sinh hoạt	1 tiết/ tuần	1 tiết/ tuần	1 tiết/ tuần
Cộng		30 tiết/ tuần	30 tiết/ tuần	30 tiết/ tuần

Điều 9. Giờ lên lớp

Học sinh phải dự lớp 100% số giờ đối với môn học thí nghiệm, thực hành; phải tham dự tối thiểu 80% số giờ đối với các môn học lý thuyết còn lại.

Vào buổi học đầu tiên cán bộ giảng dạy(CBGD) thông báo cho học sinh biết nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm... Học sinh vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. CBGD môn học trình khoa quyết định danh sách cấm thi những học sinh vi phạm.

Công tác giảng dạy – học tập được thực hiện 6 ngày/tuần (trừ Chủ nhật). Thời gian giảng dạy trong ngày được phân bố như bảng dưới đây:

BUỔI HỌC	TIẾT HỌC	GIỜ HỌC	THỜI GIAN NGHỈ
	1	07.00 – 07.50	Không
	2	07.50 – 08.40	10 phút
SÁNG	3	08.50 - 09.40	10 phút
	4	09.50 - 10.40	Không
	5	10.40 – 11.30	
	6	13.30 – 14.20	Không
	7	14.20 – 15.10	10 phút

CHIỀU	8	15.20 – 16.10	Không
	9	16.10 – 17.00	
	10	Tiết nghỉ chung	
	11	18.30 – 19.20	Không
TỐI	12	19.20 – 20.10	10 phút
	13	20.20 – 21.10	

Chương III KIỂM TRA VÀ THI HỌC KỲ

Điều 10. Kiểm tra

- Mỗi môn học chính khóa trong một học kỳ có 02 lần kiểm tra viết. Thời gian làm bài kiểm tra cho mỗi môn là 60 phút.
- Mỗi môn học ngoại khóa, cuối mỗi học kỳ có một lần kiểm tra.
- Học sinh chưa đủ số lần kiểm tra của mỗi môn học, được phép kiểm tra bổ sung nếu có lý do chính đáng.
- Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10, không lấy số lẻ. Điểm bài kiểm tra tính hệ số 1.

Điều 11. Thi cuối học kỳ

- Cuối mỗi học kỳ tổ chức thi viết một lần các môn học sau đây:
 - ◆ Môn thi khối A là: Toán học, Vật lý, Hóa học
 - ◆ Môn thi khối B là: Toán học, Hóa học, Sinh học
 - ◆ Môn thi khối C là: Văn học, Lịch sử, Địa lý.
 - Thời gian làm bài cho mỗi môn là 120 phút.
 - Học sinh chưa thi đủ 3 môn được phép thi bổ sung nếu có lý do chính đáng.
 - Chấm bài thi theo thang điểm 10, không lấy số lẻ. Điểm bài thi tính hệ số 2.
 - Học sinh thuộc một trong các diện sau đây không được dự thi cuối học kỳ:
 - Bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
 - Tổng số thời gian nghỉ học vượt quá 20% thời gian học tập của học kỳ.
 - Không đủ số lần kiểm tra của mỗi môn học.
- Học sinh không thi đủ 3 môn cuối mỗi học kỳ thì không thuộc diện xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

Điều 12. Điểm tổng kết cuối năm

- * Cuối năm học, mỗi môn học chính khóa có một điểm tổng kết.
 - Điểm tổng kết cuối năm của các môn học có thi học kỳ là điểm trung bình cộng của 4 lần kiểm tra, lần thi cuối học kỳ I và lần thi cuối học kỳ II.
 - Điểm tổng kết các môn không có thi học kỳ: Tiếng Việt và Tin học là điểm trung bình cộng của 4 lần kiểm tra.
- * Cuối năm học, các môn học ngoại khóa có một điểm tổng kết là điểm trung

bình cộng của 2 lần kiểm tra. Điểm của các môn học ngoại khóa là một trong những tiêu chí dùng để xếp loại rèn luyện học sinh.

Điểm tổng kết cuối năm của mỗi môn học chỉ lấy một số lẻ.

Điều 13. Tổ chức thi, vắng thi

1. CBGD tự sắp xếp để tổ chức thi vào tuần cuối của HK. Lịch thi kết thúc môn học phải được thông báo tới tất cả học sinh chậm nhất 1 tuần trước ngày thi đầu tiên của HK.
2. Trong thời gian thi kết thúc môn học nếu học sinh có lý do chính đáng không thể dự thi, được CHVT và CBGD môn đó chấp thuận thì sẽ được cho phép vắng thi. Học sinh phải thi trả nợ trong thời gian sớm nhất theo quy định của CBGD. Nếu không hoàn thành việc trả nợ trong thời gian quy định hoặc việc vắng thi không được chấp nhận thì không thuộc diện xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

Điều 14. Điểm rèn luyện

1. Điểm rèn luyện (ĐRL) của học sinh được đánh giá từng HK chấm theo thang điểm 100 dựa vào Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 16/10/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quyết định số 298/QĐ-ĐHCT, ngày 10/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ. ĐRL cả năm là trung bình cộng của ĐRL hai HK. Mức độ rèn luyện của học sinh được phân loại dựa vào ĐRL như dưới đây:

* Từ 90 đến 100 điểm	Loại xuất sắc;
* Từ 80 đến dưới 90 điểm	Loại tốt;
* Từ 70 đến dưới 80 điểm	Loại khá;
* Từ 60 đến dưới 70 điểm	Loại trung bình khá;
* Từ 50 đến dưới 60 điểm	Loại trung bình;
* Từ 30 đến dưới 50 điểm	Loại yếu;
* Dưới 30 điểm	Loại kém.

- Những học sinh bị kỷ luật từ mức cảnh cáo toàn trường trở lên trong HK, thì mức xếp loại không được vượt quá loại trung bình.

- SV không thực hiện bảng đánh giá kết quả rèn luyện hoặc không nộp bảng đánh giá đúng thời gian quy định sẽ bị xếp loại kém ở HK đó.

2. Sử dụng kết quả rèn luyện:

- ĐRL năm học được lưu trong hồ sơ quản lý học sinh và ghi vào bảng điểm tổng kết năm học của học sinh.

- ĐRL là một trong những điều kiện để xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

Điều 15. Quy định về kiểm tra và thi

Học sinh có trách nhiệm chấp hành các quy định về kiểm tra và thi, cụ thể

như sau:

1. Thực hiện đúng lịch kiểm tra/thi của Trường, của Khoa, của CBGD. Phải có mặt đúng giờ. Nếu đến trễ 15 phút sau khi mở đề học sinh sẽ không được dự kiểm tra/thi và xem như vắng kiểm tra/thi không lý do, sẽ nhận điểm (0) của lần kiểm tra/thi đó.
2. Phải mang bảng tên (hoặc xuất trình giấy tờ khác có ảnh, được đóng dấu giáp lai) khi vào phòng thi. Tuyệt đối phục tùng sự kiểm tra, quản lý và hướng dẫn của cán bộ coi thi (CBCT). Túi xách, tài liệu, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm... phải để tập trung đúng nơi quy định.
3. Không được ra khỏi phòng thi trong thời gian làm bài. Các trường hợp đặc biệt cần cho ra ngoài đều phải lập biên bản.
4. Bài thi phải làm trên giấy thi thống nhất, viết rõ ràng, sạch sẽ. Được sử dụng bút mực hoặc bút bi màu xanh dương, đen hoặc tím; thước kẻ; thước tính; máy tính điện tử không có thẻ nhớ và không soạn thảo được văn bản; giấy nháp có chữ ký của CBCT.
5. Trong giờ thi học sinh phải im lặng, nghiêm túc làm bài và bảo vệ bài làm của mình, không để người khác chép bài của mình. Nếu có thắc mắc phải hỏi công khai. Nếu ốm đau bất thường phải báo cáo để CBCT giải quyết.
6. Những bài thi sau đây là không hợp lệ và không được chấm điểm:
 - Làm bài trên giấy thi khác với giấy thi quy định;
 - Không có chữ ký của CBCT;
 - Viết bằng bút chì, mực đỏ (hình vẽ có thể dùng bút chì);
 - Các bài làm giống nhau;
 - Vẽ bậy, viết bậy trong bài thi;
7. Hết giờ làm bài, học sinh phải ngừng viết, để bài làm trước mặt và im lặng chờ CBCT thu bài. Khi nộp bài phải ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên vào danh sách dự thi.

Học sinh vi phạm các quy định trên đây sẽ bị CBCT lập biên bản. Tùy theo mức độ nặng nhẹ xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 16.

Điều 16. Các hình thức xử lý HS vi phạm quy định về thi và kiểm tra

1. **Khiển trách:** Học sinh phạm 1 trong các lỗi: nhìn bài; trao đổi, thảo luận với người khác. Học sinh bị khiển trách sẽ bị trừ 25% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. Học sinh bị khiển trách thi 2 lần trong một năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn khoa.
2. **Cảnh cáo:** Học sinh phạm 1 trong các lỗi sau:
 - Đã bị khiển trách một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi;
 - Trao đổi giấy nháp cho nhau nhưng chưa sử dụng (xử lý cả 2 HS);
 - Chép bài của người khác hoặc để cho người khác chép bài của mình;

- Không phục tùng sự quản lý, nhắc nhở của CBCT hoặc có thái độ vô lễ đối với CBCT.

Học sinh bị cảnh cáo sẽ bị trừ 50% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. Học sinh bị cảnh cáo thi 2 lần trong một năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn Trường.

3. Đình chỉ thi: HS phạm 1 trong các lỗi sau:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi;
- Sau khi mở đề thi bị phát hiện vẫn còn mang theo người (hoặc nơi ngồi của mình) những vật dụng không được phép mang theo;
- Sử dụng giấy nháp hoặc bài làm của người khác (xử lý cả 2 HS);
- Đưa đề thi ra ngoài nhờ người khác làm hộ hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi;
- Có hành động gây rối hoặc đe dọa CBCT hoặc học sinh khác.

Học sinh bị đình chỉ thi bị nhận điểm (0) cho lần thi/kiểm tra đó. Học sinh bị đình chỉ thi 2 lần trong một năm học sẽ bị buộc thôi học.

4. Xử lý thi hộ: áp dụng cho cả người thi hộ và người nhờ thi hộ:

- Vi phạm lần thứ nhất:

- + Người nhờ thi hộ: nhận điểm (0) môn học đó, đình chỉ học tập 1 năm;
- + Người thi hộ: đình chỉ học tập 1 năm.

- Vi phạm lần thứ hai: buộc thôi học.

Các trường hợp vi phạm khác tùy mức độ nặng nhẹ sẽ do Hội đồng kỷ luật của Trường xử lý.

Điều 17. Thông báo kết quả học tập

Điểm kiểm tra và điểm thi được CBGD thông báo tại lớp. Điểm kiểm tra và điểm thi được Khoa gửi đến Phòng Đào tạo 1 bản chính, chậm nhất 10 ngày sau ngày thi của môn học. Khoa xử lý tất cả khiếu nại liên quan đến kết quả của môn học và chỉ thực hiện trong thời gian 1 tuần kể từ ngày công bố điểm. Điểm kiểm tra và điểm thi sẽ được đưa lên website của Khoa để học sinh theo dõi.

Chương IV

XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

Điều 18. Điều kiện được xét tuyển vào đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ) của Trường Đại học Cần Thơ

1. Căn cứ vào kết quả học tập và xếp loại rèn luyện của học sinh sau khi kết thúc năm học dự bị đại học, Trường Đại học Cần Thơ xét tuyển những học sinh có đủ các điều kiện sau đây vào:

a) Đại học:

- Xếp loại rèn luyện cả năm đạt **Khá** trở lên.
- Điểm tổng kết cuối năm của các môn học chính khóa đạt từ **5,0** trở lên.

b) Cao đẳng:

- Xếp loại rèn luyện cả năm đạt **Khá** trở lên.
- Điểm tổng kết cuối năm của các môn học chính khóa đạt từ **4,0** trở lên.

2. Những học sinh thuộc một trong các diện dưới đây muốn học lưu ban phải làm đơn xin xét học lưu ban dự bị đại học một lần duy nhất:

- Xếp loại rèn luyện cuối năm đạt khá trở lên, nhưng điểm tổng kết cuối năm của các môn học chính khóa có môn đạt dưới 5,0.
- Nghỉ học quá 20% chương trình học do ốm đau, tai nạn có giấy xác nhận của bệnh xá hoặc bệnh viện.
- Không thi đủ 3 môn cuối học kì do ốm đau, tai nạn có giấy xác nhận của bệnh xá hoặc bệnh viện.

Thời gian học sinh nộp đơn xin học lưu ban từ ngày 10 đến 20 tháng 8 hàng năm tại Khoa Dự bị Dân tộc.

3. Những học sinh không đủ điều kiện xét tuyển vào Trường Đại học Cần Thơ và không được xét lưu ban sau khi học xong năm học thứ nhất DBĐH sẽ được trả về địa phương.

4. Những học sinh không đủ điều kiện xét tuyển vào ĐH, CĐ của Trường Đại học Cần Thơ, nhưng có đủ điều kiện xét tuyển vào các Trường CĐ, trung học chuyên nghiệp (THCN); phải làm đơn kèm bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện trong thời gian học DBĐH, gửi trường có nguyện vọng học xem xét tiếp nhận.

5. Những học sinh sau khi học xong DBĐH, nếu không nhận quyền được xét vào ĐH, CĐ của trường Đại học Cần Thơ, có nguyện vọng đăng ký dự thi vào các trường ĐH, CĐ, THCN thì được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng và khu vực quy định tại Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

6. Học sinh đủ điều kiện xét tuyển vào ĐH, nhưng có nguyện vọng học CĐ hoặc THCN và học sinh đủ điều kiện xét tuyển vào CĐ nhưng có nguyện vọng học THCN, phải làm đơn kèm bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện trong thời gian học DBĐH, gửi trường có nguyện vọng học xem xét tiếp nhận

vào các ngành học cùng khối thi.

Điều 19. Thời gian xét tuyển và nhập học đại học, cao đẳng

- Chậm nhất là ngày 20 tháng 6 hàng năm, Trường thông báo kết quả xét tuyển vào đại học, cao đẳng.
- Vào ngày 20 tháng 8 hàng năm, học sinh nhận giấy báo trúng tuyển tại Khoa Dự bị Dân tộc và căn cứ vào giấy báo trúng tuyển làm hồ sơ nhập học.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Quy định này được áp dụng cho học sinh dự bị đại học đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ từ học kỳ I, năm học 2008-2009.